

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ H  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/9/2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Huy Toàn**

Bà **Lê Thị Hoa**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2021; Thông báo dời ngày xét xử vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 679/2021/HNGĐST-TB ngày 28/7/2021; Thông báo dời ngày xét xử vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 693/2021/HNGĐST-TB ngày 13/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thu H** – Sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Lưu Văn S** – Sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thu H trình bày:* Bà và ông Lưu Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã N. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau nảy sinh mâu thuẫn kình cãi nhau do ông S thường xuyên rượu chè về nhà gây sự chửi mắng đánh đập bà nhiều lần. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không hòa hợp nên đã không quan tâm đến nhau và sống ly thân. Nay tình cảm giữa bà và ông S không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Văn S.

Về con chung: Bà và ông S có 04 con chung tên Lưu Nguyễn Nghĩa T, sinh ngày 22/11/2003; Lưu Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 07/01/2006; Lưu Nguyễn Quốc

V, sinh ngày 01/3/2008 và Lưu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/7/2016. Bà yêu cầu nuôi bốn con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn – ông Lưu Văn S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không lấy được lời trình bày.*

***\* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H trình bày quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở vì tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: vợ chồng có 04 con chung tên Lưu Nguyễn Nghĩa T, sinh ngày 22/11/2003; Lưu Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 07/01/2006; Lưu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 01/3/2008 và Lưu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/7/2016. Bà yêu cầu nuôi bốn con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của các cháu Trung, Quân và Việt là được sống chung với bà H và cháu Ngân còn nhỏ, hiện tại bà H đang nuôi các con chung nên để đảm bảo quyền lợi cho các cháu cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được nuôi bốn con chung tên Lưu Nguyễn Nghĩa T, sinh ngày 22/11/2003; Lưu Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 07/01/2006; Lưu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 01/3/2008 và Lưu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/7/2016. Về cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: bà H nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo dời ngày xét xử nhưng ông Lưu Văn S đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Ông Lưu Văn S có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, Xã H, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà H yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông S nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H và ông Lưu Văn S tự nguyện chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyền số 01/2002, cấp ngày 28 tháng 10 năm 2002. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thu H và ông Lưu Văn S là hợp pháp.

Xét thấy sau khi bà và ông S kết hôn với nhau thì vợ chồng có khoảng thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc được mấy năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông S thường xuyên rượu chè về nhà gây sự chửi mắng đánh đập bà nhiều lần nên vợ chồng hay kinh cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà và ông S đã tự ly thân và không còn quan tâm, chung sống với nhau nữa. Ông Lưu Văn S đã được triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Bà H yêu cầu ly hôn với S vì tình cảm không còn, S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

#### [4.2] Về con chung:

Bà H và S có 04 con chung tên Lưu Nguyễn Nghĩa T, sinh ngày 22/11/2003; Lưu Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 07/01/2006; Lưu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 01/3/2008 và Lưu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/7/2016.

Bà H trình bày hiện nay các con chung đang được bà trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu được nuôi bốn con chung và không yêu cầu S cấp dưỡng. Nguyên vọng của các cháu Trung, Quân và Việt muốn được ở với mẹ, cháu Ngân còn nhỏ. S đã được triệu tập nhưng không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền yêu cầu về việc nuôi con chung.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho các cháu có đủ điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao các con chung Lưu Nguyễn Nghĩa T, sinh ngày 22/11/2003; Lưu Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 07/01/2006; Lưu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 01/3/2008 và Lưu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/7/2016 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Sau khi ly hôn, S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

#### [4.3] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thu H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu H được ly hôn với ông Lưu Văn S.

2. Về con chung: Giao các cháu Lưu Nguyễn Nghĩa T, sinh ngày 22/11/2003; Lưu Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 07/01/2006; Lưu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 01/3/2008 và Lưu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/7/2016 cho bà Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu S cấp dưỡng nuôi con chung. S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thu H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004893 ngày 09/03/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã H. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã H;
- THADS thị xã H;
- UBND xã N;
- (GCNKH số 51/2002 ngày 28/10/2002);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Huỳnh Tường Viên**